

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 125/2022/HS-ST

Ngày: 12 - 12 - 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Ông La Văn Hợp

Ông Đỗ Văn Kha

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nông Quang Chung - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 89/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2022, thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 23/TB-TA ngày 31 tháng 10 năm 2022 và thông báo về thời gian xét xử số 25/TB-TA ngày 01 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị H** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1989 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp N, xã Q, Hện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở hiện nay tổ 7, khu phố H, phường H, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Đình H, sinh năm 1963 và bà Đỗ Thị L, sinh năm 1965; bị cáo có 04 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1993; bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; bị cáo có chồng là anh Mai Trần T, sinh năm 1987 và có 04 người con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2022 cho đến nay “có mặt tại phiên tòa”.

Người bị hại:

Ông Nguyễn Quang N, sinh năm 1989; cư trú tại địa chỉ khu phố 5, phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước “có mặt”

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Thanh H, sinh năm 1974; cư trú tại địa chỉ khu phố 5, phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”

Ông Lê Thanh H, sinh năm 1989; cư trú tại địa chỉ khu phố P, phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước “có mặt”

Ông Trần Văn T (tên gọi khác: S), sinh năm 1994; cư trú tại địa chỉ khu phố S, phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước “có mặt”

Người làm chứng:

Ông Vũ Thanh H, sinh năm 1984; cư trú tại địa chỉ khu phố P, phường T, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01/2022, Lê Thị H thường hay thuê anh Nguyễn Quang Nam lái xe ô tô dịch vụ chở H đi môi giới bất động sản nên có quen biết nhau và qua những lần nói chuyện, H biết được anh Nam có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất (đất nông nghiệp lên thổ cư). Đồng thời trong thời gian này H đang thiếu nợ của một số người nhưng chưa có tiền trả nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh N để lấy tiền trả nợ. H nói với anh N là có quen biết với một số người làm bên Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước, anh N gửi sổ đất (giấy CN QSD đất) và đưa tiền cho H để H làm thủ tục lên thổ cư cho anh N với mức phí từ 12-30 triệu đồng/100m², tin tưởng H nên anh N đã đồng ý để H làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất của 04 thửa đất (thửa đất số 202, tờ bản đồ 39 tại ấp 3, xã Đ, huyện Đồng Phú; thửa đất số 260, tờ bản đồ 41 tại ấp Phước Tân, xã T, huyện Đồng Phú; thửa đất số 155, tờ bản đồ 72 tại ấp S, xã Đ, huyện Đồng Phú và thửa đất số 138, tờ bản đồ 46 tại khu phố 02, phường ,thành phố Đồng Xoài) với giá 265.000.000 đồng. Và sau khi nhận được 04 giấy CN QSD đất của anh N, H nhờ anh Vũ Thanh H kiểm tra việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của 04 thửa đất do anh N cung cấp và được anh H trả lời là các thửa đất trên không được chuyển đổi từ nông nghiệp lên thổ cư. Tuy biết được thông tin như vậy nhưng do cần tiền trả nợ nên H vẫn nhiều lần yêu cầu anh N đưa tiền để H làm thủ tục lên thổ cư giúp anh N, tổng cộng từ ngày 19/3/2022 đến ngày 24/3/2022, H đã nhận của anh N số tiền 195.000.000 đồng, là tiền chi phí lên thổ cư. Ngoài ra H còn mượn thêm số tiền 40.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Tuy nhiên sau khi nhận được tiền của anh N thì H không lên hệ Cơ quan, tổ chức hoặc người nào để làm thủ tục lên thổ cư cho anh N như thỏa thuận mà dùng hết số tiền nhận được từ anh N để trả nợ.

Đến ngày 04/4/2022, H nói cho anh N biết là H không làm thủ tục lên thổ cư cho anh N và đã dùng hết tiền của anh N trả nợ. Ngày 05/4/2022, H đến đầu thú tại Công an thành phố Đồng Xoài.

Tại bản Cáo trạng số 98/CT-VKS ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Lê Thị H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như Cáo trạng đã đề cập và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Lê Thị H mức án từ 30 đến 36 tháng tù.

Do bị cáo không có việc làm ổn định nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc bị cáo Lê Thị H đồng ý bồi thường cho người bị hại ông Nguyễn Quang N số tiền 135.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh H hoàn trả lại cho người bị hại Nguyễn Quang N số tiền 20.000.000 đồng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T phải hoàn trả cho người bị hại Nguyễn Quang N số tiền 80.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị tuyên trả lại cho bị cáo Lê Thị H 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M12.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị H khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước truy tố là đúng hành vi phạm tội của bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo cũng như người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Lê Thị H thừa nhận: Do không có tiền tiêu xài và có ý định chiếm đoạt tài sản của anh N nên từ ngày 19/3/2022 đến ngày 24/3/2022, bị cáo Lê Thị H dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 195.000.000 đồng của anh Nguyễn Quang N tại thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận vi động cơ vụ lợi bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 195.000.000 đồng của anh Nguyễn Quang N tại thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, tài sản chiếm đoạt có giá trị là 195.000.000 đồng. Hành mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự và an toàn xã hội tại địa phương, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đã truy tố.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị H thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã đến cơ quan công an đầu thú, bị cáo còn con nhỏ, tại phiên tòa người bị hại cũng xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần phạt xử bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng giáo dục bị cáo.

[6] Đối với việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T khai nhận việc bị cáo Lê Thị H có vay mượn tiền của ông T, xét đây là quan hệ giao dịch dân sự vay mượn tiền giữa các bên, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa người bị hại ông Nguyễn Quang N yêu cầu bị cáo Lê Thị H phải trả lại cho người bị hại tổng số tiền 235.000.000 đồng, bao gồm số tiền mà bị cáo H đã chiếm đoạt là 195.000.000 đồng và số tiền 40.000.000 đồng mà bị cáo H đã mượn của người bị hại.

Bị cáo Lê Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh H, ông Trần Văn T tại phiên tòa đã thỏa thuận và đi đến thống nhất cụ thể như sau: Bị cáo Lê Thị H đồng ý bồi thường cho người bị hại số tiền 135.000.000 đồng; ông Lê Thanh H đồng ý hoàn trả lại số tiền 20.000.000 đồng và ông Trần Văn T hoàn trả lại số tiền 80.000.000 đồng cho người bị hại ông Nguyễn Quang N.

Xét sự thỏa thuận giữa bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M12 màu xanh (mặt kính trước và sau bị nứt không rõ hình dạng) là tài sản của bị cáo Lê Thị H không liên quan đến Hành vi phạm tội cần tuyên trả lại cho bị cáo.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo Lê Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh H, ông Trần Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị H **02 (Hai)** năm **06 (Sáu)** tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 05/4/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 589, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lê Thị H bồi thường cho người bị hại ông Nguyễn Quang N số tiền 135.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh H phải hoàn trả lại cho người bị hại ông Nguyễn Quang N số tiền 20.000.000 đồng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T phải hoàn trả lại cho người bị hại ông Nguyễn Quang N số tiền 80.000.000 đồng;

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015”.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên trả lại cho bị cáo Lê Thị H 01 điện thoại di động hiệu Samsung đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0002046, quyển số 0041, ký hiệu D47/2017 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài).

5. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Lê Thị H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 6.750.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh H phải chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T phải chịu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tHnh phố Đồng Xoài;
- THADS tHnh phố Đồng Xoài;
- CA tHnh phố Đồng Xoài (03 bản);
- TT LLTP - Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Bình Phước;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Chát